



pī fēng

披风

noun · cape; cloak

Example Sentences

Tā chuān zhe yī jiàn hēi sè pī fēng
他穿着一件黑色披风。

He is wearing a black cape.

Qí shì de pī fēng zài fēng zhōng piāo yáng
骑士的披风在风中飘扬。

The knight's cloak fluttered in the wind.

Zhè jiàn pī fēng shì yòng hòu yáng máo zuò de
这件披风是用厚羊毛做的。

This cloak is made of thick wool.

Trace each character, then write the word on your own.

披披披披披披披披披披披披

风风风风风风风